

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020.

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quân và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST-HN&GD ngày 26 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lường Thị N, năm sinh: 1986.

Nơi ĐKKHKT: Bản H (Nay là bản H), xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn X, năm sinh: 1987.

Địa chỉ: Bản H (Nay là bản H), xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp. Bị đơn vắng mặt, không có lý do.

*** Người phiên dịch cho Nguyên đơn:** Chị Tòng Thị T; sinh năm 1990; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 5 năm 2020, biên bản lấy lời khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 19/02/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T. Kể từ khi kết hôn hạnh phúc đến đầu năm 2018. Trong thời gian chung sống chị N đã biết anh X sử dụng ma túy từ năm 2015, nhưng vì anh X vẫn chăm lo cho gia đình, chỉ đến năm 2018 anh X đi

làm và không còn quan tâm, chăm lo cho gia đình, khi anh X về nhà gặp chị N còn nhiều lần đòi tiền, chị N không đưa tiền cho anh X, thì anh X dọa đánh chị N. Do không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh X nên đến tháng 5/2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Đến nay chị N không còn tình cảm yêu thương đối với anh X, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lò Văn X.

2. Về con chung:

Chị Lương Thị N và anh Lò Văn X có 02 con chung, cháu tên là Lò Văn N; sinh ngày 20/02/2010 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/3/2012. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu N và cháu H; hiện tại chị N và các con đều ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị N, việc sinh hoạt chung với gia đình bố mẹ đẻ của chị N không gây bất tiện gì; thu nhập trung bình hàng tháng của chị N từ làm nông nghiệp chung với gia đình chị N, ngoài ra còn đi làm thuê những lúc nông nhàn thu nhập thêm hằng tháng 4.000.000đ. Chị N cam đoan sẽ đảm bảo cuộc sống cho con, chị N cũng không đề nghị anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N về giao nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh X không có tài sản chung, nợ chung, nên không đề nghị giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn X; nhưng anh X không có mặt để tham gia quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm. Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị N, giao các cháu Lò Văn N; sinh ngày 20/02/2010 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/3/2012 cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lò Văn X chưa cấp dưỡng nuôi con chung, về phần tài sản, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí ly hôn cho chị Lương Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lương Thị N với anh Lò Văn X thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lương Thị N nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn X có nơi cư trú

tại bản H (Nay là bản H), xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn X, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh X. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X kết hôn với nhau ngày 19/02/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lường Thị N và anh Lò Văn X là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hơn nữa, do không làm chủ được bản thân anh X đã có sử dụng ma túy, chị Lường Thị N vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh X nên vào tháng 5/2018 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ hay liên lạc với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; do nhiều lần thông báo hợp lệ cho anh Lò Văn X để tham gia hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh X không có mặt, qua đó thấy việc anh X không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lường Thị N và anh Lò Văn X thì được biết: Giữa chị Lường Thị N và anh Lò văn X đã sống ly thân được một thời gian dài, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị N sinh sống đã lâu. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị Nhung, cho chị Lường Thị N ly hôn với anh Lò Văn X.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lường Thị N và các cháu N, cháu H thì thấy: Hiện tại cháu N và cháu H đều sống với chị N từ khi hai anh chị không còn chung sống với nhau, quá trình các cháu sống chung với chị N thì được chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt và học tập cho các con; chị N cũng có nơi ở và thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi dưỡng con chung; đồng thời cả cháu N và cháu H đều có nguyện vọng được ở với chị N. Hơn nữa trong suốt quá trình không còn chung sống, anh X cũng không cấp dưỡng nuôi con hay quan tâm, hỏi thăm các con mà chỉ một mình chị N nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho các cháu N và H được phát triển toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần, thì cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82;

Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lường Thị N.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lường Thị N đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị N được ly hôn với anh Lò Văn X.

2. Về con chung: Giao cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn N; sinh ngày 20/02/2010 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu N và cháu H đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn X chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lường Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh X thực hiện quyền này.

Chị Lường Thị N, anh Lò Văn X có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lường Thị N được miễn án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/8/2020); anh Lò Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Quài Tở;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga